TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 210/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Lê Quang P; sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 98 Nguyễn Bỉnh Khiêm, tổ 18, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Lê Thị Ngọc V; sinh năm 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 17, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở hiện tại: phòng 702, khu chung cư C2 nhà B, đường Dương Văn Nga, tổ 39, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 7 năm 2019, người yêu cầu là ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 do UBND phường A, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận

ngày 22/01/2018), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cải vã to tiếng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau nên đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V đều thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 04/7/2018. Ly hôn, hai bên thỏa thuận: Giao con chung Lê Ngọc Như Q cho bà Lê Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Quang P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định tài sản chung không có.

[4] Về nợ chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07987 ngày 23/7/2019.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 do UBND phường A, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 22/01/2018).

* Về con chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định có 01 con chung là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 04/7/2018. Ly hôn, hai bên thỏa thuận: giao con chung Lê

Ngọc Như Q cho bà Lê Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Quang P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về tài sản chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định tài sản chung không có.

* Về nợ chung: ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Lê Quang P và bà Lê Thị Ngọc V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07987 ngày 23/7/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Sơn Trà;*
- *Các đương sự;*
- *CC THADS Q. Sơn Trà;*
- *UBND P. A, quận S, TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa